

Báo cáo
THƯỜNG NIÊN
2019

www.navicorp.com.vn



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trải qua bao nhiêu thời gian thăng trầm, bao nhiêu năm chúng ta vun vén, chăm sóc cho Navico thì đến nay hoa cũng đã nở, Navico đã chính thức hoàn thành nền móng vững chắc để đón những quả ngọt sắp tới mà chúng ta mong đợi bấy lâu nay.



Thư Quý Cổ đông!

Năm 2019 CTCP Nam Việt đã đạt được kết quả nổi bật dù thị trường cá tra không được khả quan. Chúng ta đã thực hiện được kế hoạch lợi nhuận, tiếp tục phát triển và kiểm soát các mắc xích quan trọng trong chuỗi giá trị gồm: ươm nuôi giống, sản xuất thức ăn, nuôi trồng, chế biến và bán hàng. Tuy nhiên, khởi đầu năm 2020 chúng ta lại phải đối mặt với một thách thức vô cùng lớn - dịch bệnh Covid-19 - không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe toàn cầu mà còn làm cho ngành kinh tế thế giới ảnh hưởng trầm trọng. Ảnh hưởng nặng nề nhất đối với chúng ta là sự cắt giảm đột ngột của thị trường Trung Quốc - nơi mà chúng ta vừa chinh phục được vào đầu năm và đang có tiềm năng vô cùng lớn để tiếp tục phát triển. Chúng ta đã rất may mắn khi có thể chuyển đổi ngay sang thị trường Đông Nam Á và châu

Âu khi Trung Quốc bị ảnh hưởng nhờ vào việc đa dạng hóa thị trường. Việc này đã giúp kim ngạch xuất khẩu tăng 21% trong tháng 2 so với cùng kỳ. Ở thời điểm hiện tại, tôi phải thừa nhận một điều đang buồn là có rất nhiều doanh nghiệp phải ngưng hoạt động và sa thải bớt nhân viên. Trước tình hình này, Navico vẫn chủ trương duy trì hoạt động bình thường nhưng với công suất thấp hơn. Chúng tôi đã sắp xếp lịch làm việc thay phiên để không có công nhân nào phải mất việc cũng như giữ được mức lương và phúc lợi ổn định. Chúng tôi cũng tuân thủ nghiêm ngặt các đề xuất của Chính phủ để bảo vệ sức khỏe của người lao động. Mặt khác dù thị trường Trung Quốc đã kiểm soát được dịch bệnh nhưng rất nhiều thị trường khác, cụ thể là EU, vẫn đang đối mặt khó khăn với dịch bệnh này. Tôi rất hy vọng thị trường

Trung Quốc có thể phục hồi kịp thời để bù đắp cho sự sụt giảm của thị trường châu Âu do sự lây lan của dịch bệnh. Thậm chí nếu điều này không khả thi, Navico vẫn còn thị trường Đông Nam Á, Nam Mỹ và rất nhiều thị trường tiềm năng khác mà chúng ta chưa thâm nhập. Đây là thời điểm mà chúng ta phải thử thách bản thân để vượt qua giới hạn của chính mình. Lịch sử hình thành và phát triển của Navico chúng ta đã vô số lần phải trải qua bao phong ba bão táp, nhưng không vì vậy mà chúng ta đầu hàng, sau cơn bão thứ chúng ta còn lại được chính là sự tôi luyện và khối kinh nghiệm tích lũy được trong quá trình đối mặt thử thách. Chính vì vậy, với "cơn bão Covid-19" năm nay, mặc dù nó có sức ảnh hưởng kỷ lục nhưng tôi và toàn bộ đội ngũ Navico sẽ cố gắng hết sức để chống chịu và vượt qua thời điểm khó khăn này.

Thay mặt toàn thể cán bộ nhân viên công ty, tôi xin chân thành cảm ơn quý cổ đông đã và đang đồng hành cùng Navico trong suốt hành trình phát triển công ty. Hy vọng sau năm nay, tôi sẽ lại được viết tiếp một lá thư ngỏ để kể về việc chúng ta đã chiến thắng đại dịch như thế nào!

**Trân trọng,
Chủ tịch Hội đồng quản trị**

DOÃN TỚI

MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG VỀ NAVICO

- 03 Thông tin khái quát
- 05 Quá trình hình thành và phát triển
- 07 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 09 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 13 Tổng quan ngành cá tra Việt Nam
- 15 Định hướng phát triển
- 17 Các yếu tố rủi ro

20

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 22 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 27 Tổ chức và nhân sự
- 33 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 35 Tình hình tài chính
- 37 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.
- 39 Báo cáo và đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

43

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 44 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 47 Tình hình tài chính
- 49 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 50 Kế hoạch phát triển trong tương lai

51

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 52 Đánh giá của Hội đồng quản trị về tình hình kinh tế, ngành sản xuất, xuất khẩu thủy sản năm 2019
- 55 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

57

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 58 Hội đồng quản trị
- 60 Báo cáo đánh giá của Ban Kiểm soát

65

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 66 Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 69 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 70 Báo cáo tài chính được kiểm toán

THÔNG TIN CHUNG
VỀ NAVICO



1 THÔNG TIN KHÁI QUÁT

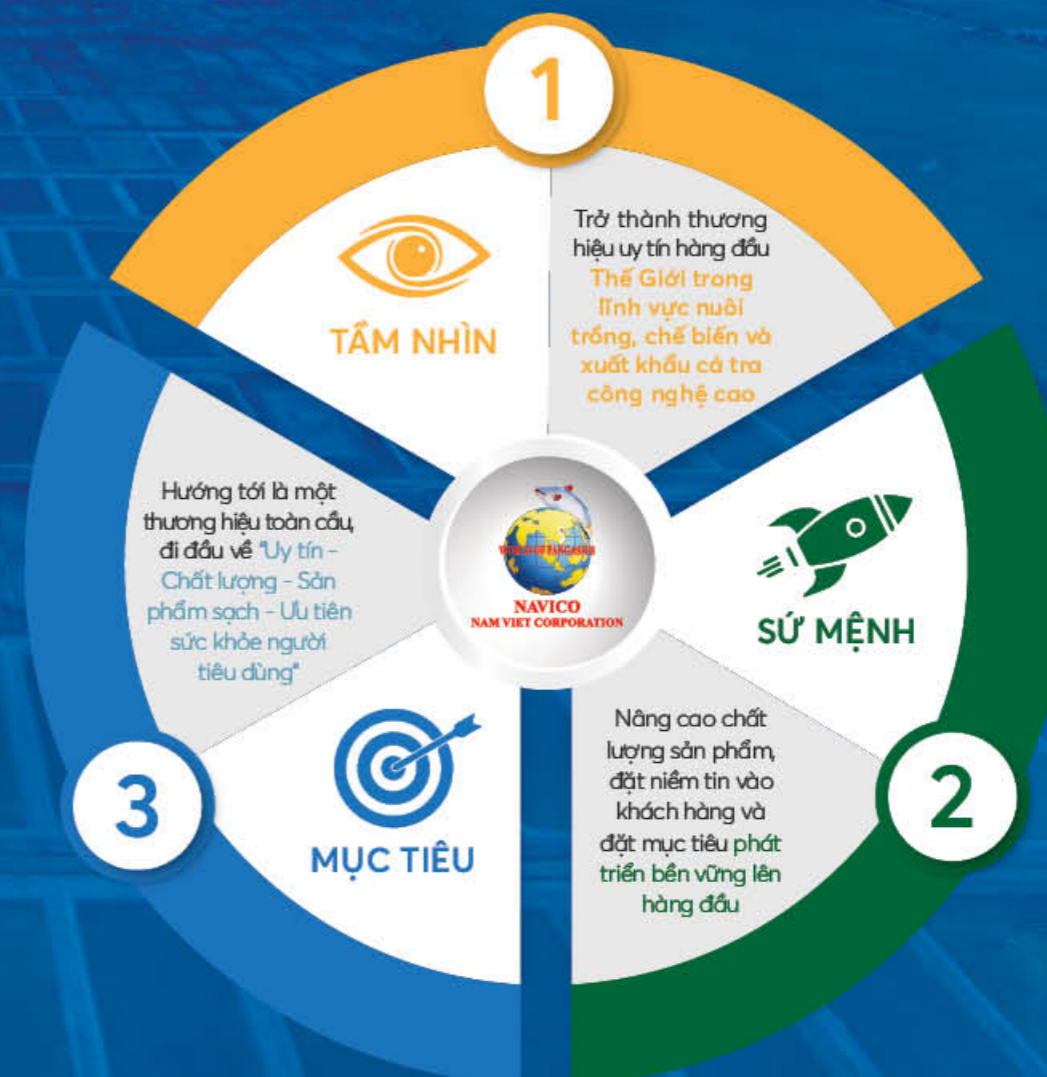
Tên giao dịch
Công ty Cổ phần Nam Việt

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
số 1600168736 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh An Giang cấp
ngày 02/10/2006, thay đổi lần thứ 12 ngày 12 tháng 02 năm 2019

Vốn điều lệ
1.275.396.250.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu
1.275.396.250.000 đồng

Địa chỉ	: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, An Giang
Điện thoại	: (0296) 3834 065 - (0296) 3834 060
Fax	: (0296) 3834 054 - (0296) 3932 486
Website	: www.navicorp.com.vn
Mã cổ phiếu	: ANV



2 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Từ những ngày đầu thành lập, Navico đã không ngừng đầu tư vào chuỗi giá trị khép kín để có được thành quả như ngày hôm nay với hệ thống từ ương giống, sản xuất thức ăn, vùng nuôi cá tra thành phẩm, nhà máy chế biến đông lạnh, nhà máy bao bì, nhà máy phụ phẩm dầu cá, bột cá.

Công ty tăng vốn điều lệ từ 1.250.446.250.000 đồng lên 1.275.396.250.000 đồng.

Công ty tăng vốn điều lệ từ 660.000.000.000 đồng lên 1.250.446.250.000 đồng.

Công ty đã có 8 dây chuyền sản xuất thức ăn với tổng công suất lên đến 800 tấn/ngày đáp ứng 100% nhu cầu thức ăn cho 250 ha vùng nuôi cá nguyên liệu của công ty, phần còn lại bán ra thị trường.

Công ty xây dựng nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và đi vào hoạt động với 4 dây chuyền sản xuất, tổng công suất 400 tấn/ngày.

Chuyển hình thức sang Công ty Cổ phần với số vốn điều lệ là 660 tỷ đồng.

2006

2000

1993

Tháng 12
2007

2016

2012

2011

2017

2018

2019

Đầu tư Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nuôi trồng thủy sản Nam Việt Bình Phú diện tích 600ha

Công ty bắt đầu xây dựng vùng nuôi cá nguyên liệu.

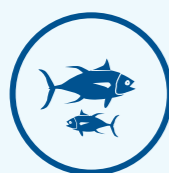
Cổ phiếu Nam Việt chính thức được niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là ANV

Công ty có bước chuyển biến quan trọng đầu tư sang lĩnh vực chế biến thủy sản.

Công ty Cổ phần Nam Việt có tiền thân là Công ty TNHH Nam Việt được thành lập vào năm 1993 hoạt động trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp.

3 NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

■ Ngành nghề kinh doanh:



Nuôi trồng thủy sản



Sản xuất chế biến thức ăn thủy sản



Chế biến bảo quản thủy sản & các sản phẩm từ thủy sản



Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật

■ Địa bàn kinh doanh

Navico là doanh nghiệp xuất khẩu cá tra nuôi hàng đầu thế giới đến hơn Quốc gia trên khắp thế giới.

Công ty chủ yếu xuất khẩu sang các quốc gia

- 🐟 Châu Á: Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia
- 🐟 Châu Mỹ: Mexico, Brazil, Colombia
- 🐟 Châu Âu: Bỉ, Italya, Hà Lan
- 🐟 Trung Đông: Ả Rập Saudi, Kuwait



4 THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

■ Cơ cấu bộ máy quản lý



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



BAN KIỂM SOÁT



KHỐI TÀI CHÍNH



KHỐI KINH DOANH



KHỐI SẢN XUẤT



KHỐI NUÔI TRỒNG THỦY SẢN



KHỐI QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG



KHỐI THANH TRA PHÁP CHẾ



KHỐI TRỰC THUỘC BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

■ Các công ty con, công ty liên kết

Các công ty con

1. CÔNG TY TNHH MTV ẤN ĐỘ DƯƠNG

Địa chỉ	:	KCN Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại	:	02923649262
Vốn điều lệ	:	36.000.000.000
Vốn NAVICORP góp	:	36.000.000.000
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	:	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; chế biến dầu cá, bột cá.

2. CÔNG TY TNHH MTV NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NAM VIỆT BÌNH PHÚ

Địa chỉ	:	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	:	0296 3932486
Vốn điều lệ	:	540.000.000.000
Vốn NAVICORP đã góp	:	540.000.000.000
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	:	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Nuôi trồng thủy sản

Các công ty liên kết

Công ty không còn đầu tư vào Công ty cổ phần Rau quả Nông trại xanh do trong năm công ty đã giải thể.

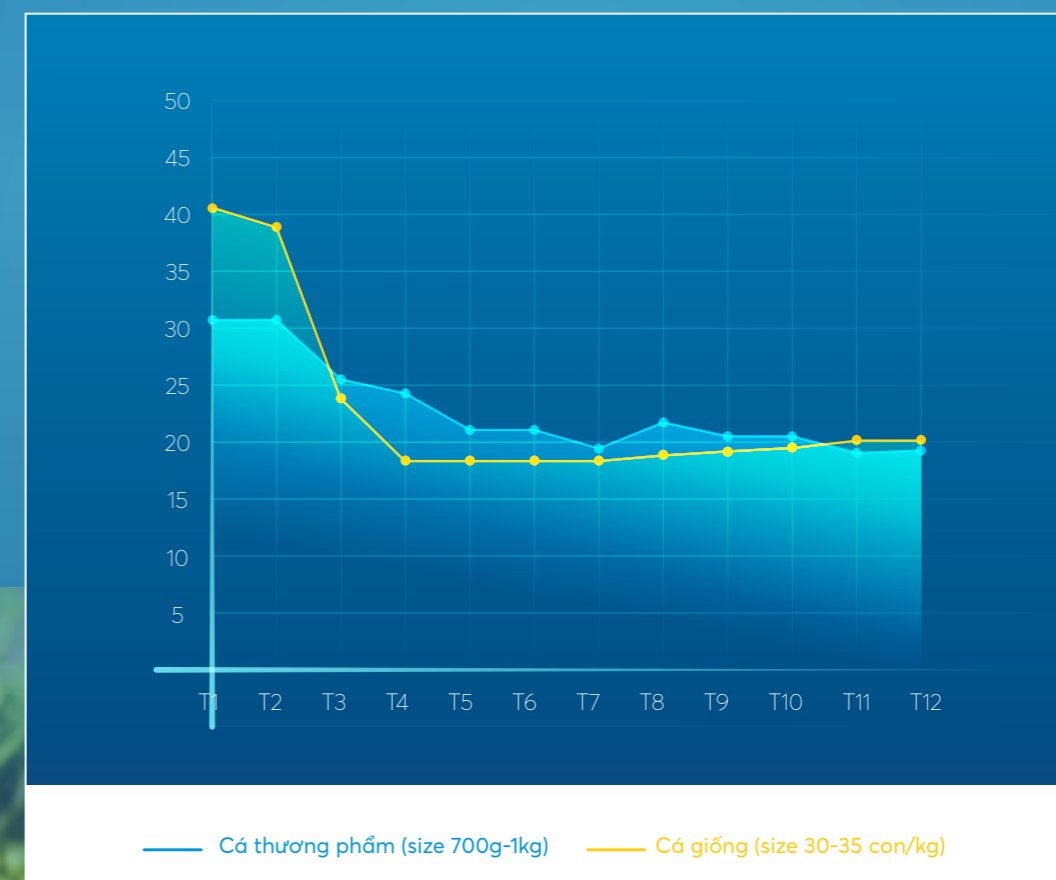
5 TỔNG QUAN NGÀNH CÁ TRA VIỆT NAM

Về thị trường xuất khẩu, kết thúc năm 2019, Việt Nam xuất khẩu được 2 tỷ USD sản phẩm cá tra, giảm 10% so với năm 2018. Trong đó, Trung Quốc là thị trường lớn nhất chiếm 36% tổng kim ngạch, theo sau là Mỹ chiếm 13%, EU chiếm 12% và Đông Nam Á chiếm 11%. Tuy các DN XK cá tra đã rất nỗ lực nhưng năm 2019 vẫn chưa đạt được kì vọng của ngành cá tra. Trong tất cả các thị trường nhập khẩu cá tra, chỉ có Trung Quốc và Đông Nam Á có mức tăng trưởng so với năm 2019 lần lượt ở mức 37% và 8%, các thị trường còn lại đều giảm giá trị nhập khẩu so với cùng kỳ. Việc tăng trưởng ở thị trường Trung Quốc chủ yếu nhờ vào việc đưa sản phẩm cá tra vào các chuỗi nhà hàng và tăng cường quảng bá sản phẩm đối với người tiêu dùng Trung Quốc đã giúp cải thiện thị hiếu người dùng tại thị trường này.

Về sản lượng cá tra nguyên liệu, theo Bộ NN&PTNT, năm 2019, tổng diện tích nuôi cá tra ĐBSCL ước đạt 6,6 nghìn ha, tăng 22,2% so với năm 2018. Sản lượng đạt 1,42 triệu tấn, tương đương với năm 2018. Trong đó, sản lượng tập trung ở các tỉnh như: Đồng Tháp, An Giang, Bến Tre, Cần Thơ. Cả nước hiện có 200 cơ sở sản xuất giống cá tra, 3.000 ha ương dưỡng cá giống (bằng 100% so với năm 2018), sản xuất được khoảng 21 tỷ cá tra bột, hơn 2,1 tỷ cá tra giống. Trong năm 2019, đã thay thế được 45.000 con cá bố mẹ chọn giống. Dự kiến trong năm 2020 sẽ thay thế hết 60.000 con cá bố mẹ.

Về diễn biến giá cá tra nguyên liệu năm 2019 là một biểu đồ đi xuống. Trong đó, mức giá cao nhất của năm vào giữa tháng 2/2019 với mức trung bình khoảng 34.000 - 34.500 đồng/kg. Sau đó, giá giảm dần và rơi xuống mức thấp nhất vào cuối tháng 11/2019 với mức giá dao động từ 19.000 - 19.500 đồng/kg. Tháng 12/2019, giá cá tăng nhẹ thêm khoảng 1.000 đồng/kg lên mức từ 20.000 - 20.500 đồng/kg. Với mức giá này, giá cá nguyên liệu đã giảm khoảng 44% so với cùng kỳ năm 2018. Giá cá tăng mạnh trong năm 2018 khiến nhiều hộ nuôi tự phát tăng diện tích thả nuôi. Sản lượng thu hoạch tăng trong khi nhu cầu tiêu thụ tại nhiều thị trường XK lớn chững lại hoặc giảm. Điều này kéo theo giá nguyên liệu trong nước giảm.

GIÁ CÁ TRA NGUYÊN LIỆU NĂM 2019 TẠI ĐBSCL (Đơn vị: nghìn đồng/kg)



6 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Tiếp tục phát triển chuyên sâu, áp dụng công nghệ cao và hoàn thành chuỗi giá trị khép kín từ con giống, sản xuất thức ăn thủy sản, nuôi trồng đến chế biến xuất khẩu.

Tăng hiệu quả nguồn nhân lực:

- ▶ Tinh giảm các bộ phận quản lý, gián tiếp chưa đạt hiệu quả.
- ▶ Ứng dụng các thành tựu công nghệ và kỹ thuật vào công việc của từng bộ phận để nâng cao năng suất.

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY:

Đưa công ty lên vị trí top đầu của ngành bằng việc tận dụng các lợi thế sẵn có từ chuỗi giá trị khép kín và phát triển mở rộng thị trường.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- ▶ **Chất lượng sản phẩm:** đáp ứng đầy đủ yêu cầu, tiêu chuẩn đầu ra của từng thị trường. Đảm bảo chất lượng sản phẩm đến người tiêu dùng bằng cách quản lý chặt chẽ từng khâu trong quy trình khép kín.
- ▶ **Đối với môi trường:** Navico sẽ không ngừng cải tiến hệ thống thực hành và quản lý môi trường, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, Công ty sẽ nghiêm túc thực hiện chương trình tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng, chung tay bảo vệ môi trường nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- ▶ **Đối với xã hội:** Thực hiện minh bạch giờ công, tiền lương, các chế độ phúc lợi xã hội. Đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người lao động; bảo vệ nâng cao sức khỏe và tạo môi trường làm việc lành mạnh cho người lao động.



7 CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Rủi ro về dịch bệnh, ô nhiễm môi trường:

Những năm gần đây tình hình biến đổi khí hậu diễn biến khá tiêu cực, nước biển dâng đã làm nước mặn tiến sâu vào nội đồng tác động trực tiếp đến vùng sản xuất giống và nuôi cá tra thương phẩm. Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh nuôi cá, dù Navico luôn nỗ lực hết sức để đảm bảo chất lượng sản phẩm nhưng vẫn ít nhiều bị ảnh hưởng bởi môi trường chung cũng như không thể kháng cự lại tác động của thiên nhiên.

Rủi ro tăng giá nguyên vật liệu: Thị trường thiếu con giống sẽ làm giá cá được đẩy lên mức cao. Ngoài việc giá con giống cao, việc đổ xô nhau nuôi cá tra sẽ khiến cho giá thức ăn, thuốc thủy sản có thể tăng theo, từ đó khiến cho giá thành các yếu tố nguyên liệu đầu vào tăng. Việc tự chủ nguồn nguyên liệu bằng việc đầu tư vào các vùng nuôi giúp Navico kiểm soát tốt được chi phí nguyên vật liệu cũng như chất lượng đầu vào của sản phẩm.

Rủi ro thị trường xuất khẩu: Việc xuất khẩu sang các thị trường chính như EU, Trung Quốc, Mỹ... vẫn còn nhiều rủi ro do rào cản thương mại chặt chẽ từ các nước nhập khẩu, sự cạnh tranh của các sản phẩm cùng loại, sự thay đổi

hành vi người tiêu dùng... Navico từ đầu đã định hướng rõ trong việc đa dạng thị trường xuất khẩu, tránh việc tập trung quá nhiều vào bất cứ một thị trường nào giúp phần nào giảm được rủi ro.

Rủi ro việc làm: Sự thay đổi của thị trường, khách hàng, sản phẩm hay các vấn đề như thời tiết, chính sách sẽ khiến nhu cầu lao động của công ty thay đổi. Khối lượng công việc tăng lên sẽ gây thiếu hụt lao động, ảnh hưởng đến sản xuất, chất lượng sản phẩm. Hoặc khi thị trường gặp khó khăn, quy mô sản xuất bị thu hẹp khiến dư thừa lao động, việc sa thải hàng loạt nếu xảy ra sẽ gây hệ lụy rất xấu tới hình ảnh công ty, môi trường làm việc trong khi công ty khó có thể duy trì mức chi trả lương trong điều kiện sản xuất ảnh hưởng. Do đó duy trì việc làm ổn định và tăng trưởng liên tục là một thách thức lớn. Navico đã và đang nỗ lực đẩy mạnh sản xuất kinh doanh để tạo ra ngày càng nhiều việc làm, thu nhập; Xây dựng chính sách nhân sự và bố trí lao động phù hợp để có thể ứng phó với các biến động về nhu cầu lao động. Xây dựng chính sách chăm lo cho người lao động thỏa đáng để giữ chân lao động giỏi, có được sự cống hiến và nỗ lực cao nhất từ người lao động.

RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro lãi suất

Với Navico, dù chi phí lãi vay bình quân những năm qua chỉ chiếm khoảng 1-3% doanh thu thuần nhưng xu hướng ổn định của mặt bằng lãi suất cũng ít nhiều tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2020, Công ty sẽ tiếp tục duy trì công tác chủ động dòng tiền, hạn chế đi vay để giảm chi phí lãi vay.

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Với việc xuất khẩu là hướng kinh doanh chính của Công ty và lượng ngoại tệ thu về chủ yếu là USD, thì việc biến động tỷ giá hối đoái cũng sẽ là một vấn đề đáng quan tâm đối với ban lãnh đạo Công ty.

Tỷ giá USD: Hiện tại Navico đang nắm giữ một lượng tài sản được định giá bằng đồng USD và các hợp đồng ký kết cũng được thanh toán chủ yếu bằng USD nên việc ổn định tỷ giá cũng sẽ là một thuận lợi cho tình hình kinh doanh của Công ty.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Nuôi và xuất khẩu cá tra ở địa bàn Đồng Bằng Sông Cửu Long đã và đang mang lại hiệu quả kinh tế cao và hứa hẹn tiềm năng phát triển lớn. Tuy vậy, những năm gần đây, tỷ lệ hao hụt khi nuôi cá tra ngày càng cao, thậm chí có ao nuôi cá hao hụt hơn 50%, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế cho người nuôi. Nếu tiếp tục bỏ quên vấn đề bảo vệ môi trường thì tình trạng suy thoái môi trường do nuôi cá sẽ tác động mạnh đến nghề nuôi và là cản trở lớn nhất cho việc phát triển con cá tra trong thời gian tới.

RỦI RO KHÁC

Những rủi ro khác bao gồm các rủi ro không thể dự đoán được như tình hình tăng giá vận chuyển, bảo quản hàng hóa, lưu kho ... là những rủi ro có nguy cơ xảy ra thấp nhưng có tác động lớn đến tình hình kinh doanh của toàn Công ty.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



1 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2019, Navico tiếp tục tập trung nguồn lực để hiện thực hóa mục tiêu trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực chế biến xuất khẩu cá tra. Công ty đã đầu tư mở rộng vùng nuôi công nghệ cao để hoàn thành chuỗi giá trị khép kín, nâng công suất nhà máy chế biến cũng như tích cực mở rộng thị trường xuất khẩu. Ngoài ra, công ty đã phát triển thành công dòng sản phẩm chả cá và nhận được phản hồi tích cực từ phía khách hàng.

■ Môi trường kinh doanh 2019

Thuận lợi

- Navico hiện đang có chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất thức ăn, nuôi trồng và chế biến thủy sản, từ đó Công ty tự chủ động được nguồn nguyên liệu cá cho sản xuất và thị trường.
- Công ty có sẵn các nhà máy để đưa vào sử dụng khi nhu cầu sản xuất tăng thêm mà không phải đầu tư mới.
- Vùng nuôi cá nguyên liệu tập trung chủ yếu tại địa bàn tỉnh An Giang, Đồng Tháp không bị ảnh hưởng của xâm nhập mặn.
- Công suất nhà máy chế biến thức ăn có khả năng đáp ứng nhu cầu của toàn bộ vùng nuôi giúp giảm chi phí thức ăn.
- Công ty có thị trường xuất khẩu tương đối đa dạng và ổn định qua các năm, có nhiều khách hàng truyền thống trong từng thị trường.

Khó khăn

- Nguồn lao động không ổn định thường di chuyển giữa các doanh nghiệp trong và ngoài ngành.
- Thị trường: Một số thị trường dựng lên các hàng rào phi thuế quan để hạn chế và thắt chặt kiểm soát hàng hóa nhập khẩu như thị trường Mỹ, Châu Âu.
- Giá bán: nguồn cung cá nguyên liệu dồi dào dẫn đến tình trạng thừa cung và đẩy giá bán xuống mức thấp.

■ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

Trong năm 2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Navico tiếp tục đạt kết quả tốt nhờ vào chuỗi sản xuất khép kín giúp giảm tối đa chi phí và việc tích cực mở rộng thêm các thị trường tiềm năng giúp tăng sản lượng xuất khẩu.

CHỈ TIÊU	2018 (tr.đồng)	2019 (tr.đồng)	Tăng/giảm trong năm
Doanh thu thuần	4.117.989	4.480.866	8,8%
Giá vốn hàng bán	3.255.567	3.438.294	5,6%
Lợi nhuận gộp	862.423	1.042.572	20,9%
Doanh thu hoạt động tài chính	73.915	52.428	-29,1%
Chi phí hoạt động tài chính	75.220	60.121	-20,1%
Chi phí bán hàng	160.836	190.709	18,6%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.659	46.560	437,7%
Lãi (lỗ) từ công ty liên doanh	(2.032)	-	-
Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	689.591	797.608	15,7%
Lợi nhuận khác - Tổng	558	32.895	5793,5%
Lợi nhuận trước thuế	690.150	830.504	20,3%
Lợi nhuận sau thuế	604.167	704.044	16,5%

Trong năm 2019, doanh thu thuần của Navico tiếp tục đánh dấu một năm tăng trưởng, đạt 4.481 tỷ đồng, tăng trưởng 8,8% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, doanh thu từ mảng xuất khẩu cá tra đông lạnh chiếm 84% tổng doanh thu. Động lực chính đóng góp vào tăng trưởng doanh thu là do gia tăng sản lượng xuất khẩu nhờ vào việc mở rộng thị trường thành công. Tuy nhiên mức doanh thu thực hiện được mới chỉ đạt 89,6% kế hoạch đề ra là do sự sụt giảm của giá cá tra xuất khẩu từ việc dư nguồn cung nguyên liệu.



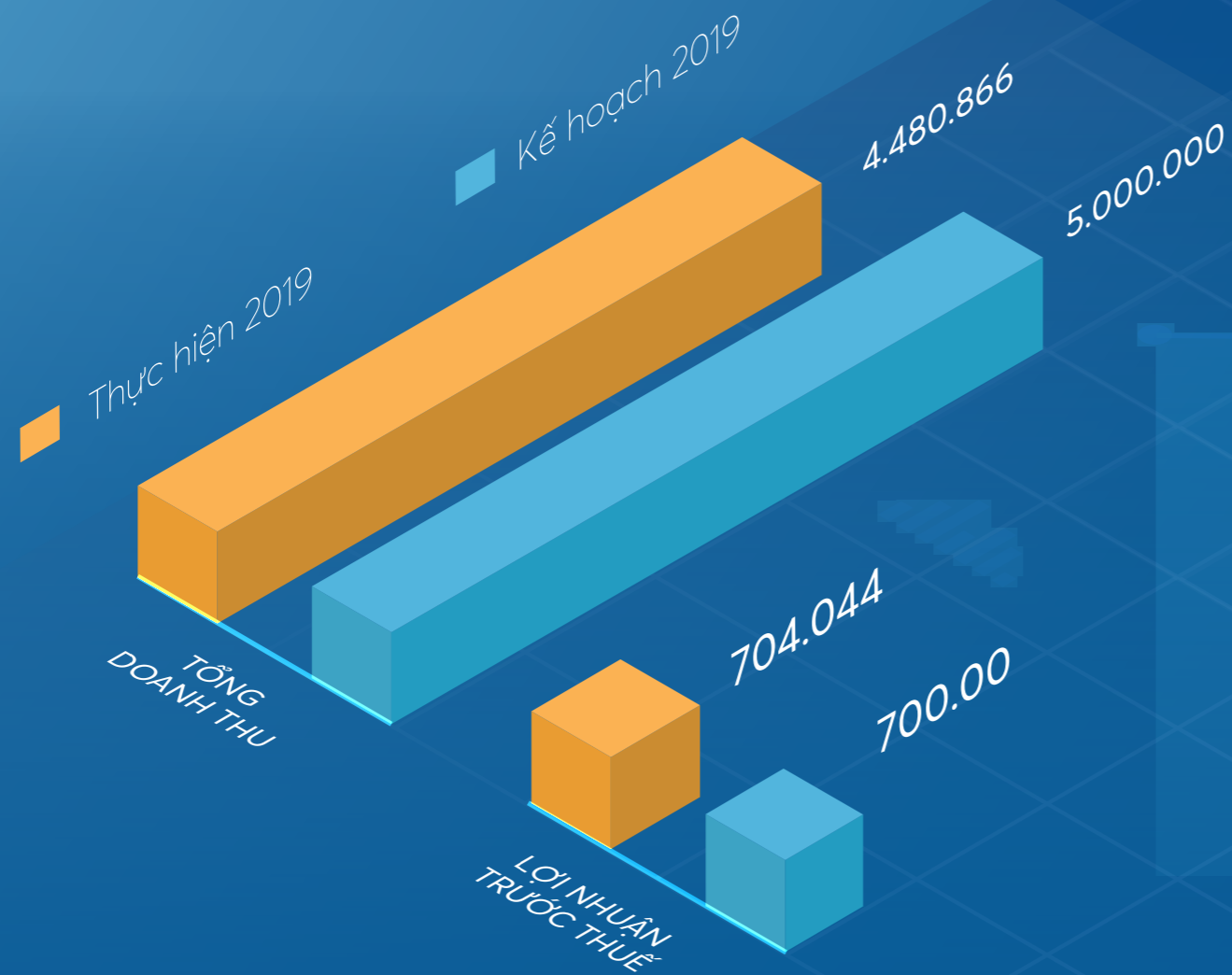
Biên lợi nhuận gộp đã có sự cải thiện, tăng từ 20,9% trong năm 2018 lên 23,3% trong năm 2019 chủ yếu nhờ vào giảm giá cá nguyên liệu.

Lợi nhuận sau thuế của Navico năm 2019 đạt 704 tỷ đồng, tăng 16,5% so với năm 2018 và đạt chỉ tiêu kế hoạch năm. Những yếu tố thúc đẩy lợi nhuận tăng trưởng tốt chủ yếu bao gồm:

- Công ty đã mở rộng thị trường thành công và sản lượng xuất khẩu tăng mạnh;
- Kiểm soát tốt chi phí sản xuất, giá thành;
- Tăng cường đầu tư R&D cho sản phẩm mới, có giá trị gia tăng cao với tỷ suất lợi nhuận tốt;
- Tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị nhằm cải thiện hiệu suất hoạt động, giảm chi phí và tiêu hao, nâng cao chất lượng sản phẩm;
- Chú trọng nghiên cứu thị trường và duy trì tốt các khách hàng truyền thống.

■ Tình hình thực hiện chỉ tiêu các kế hoạch đã đề ra:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2019	TH2019	TH2019/ KH2019
Tổng doanh thu	Triệu đồng	5.000.000	4.480.866	89,6%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	700.000	704.044	100,6%



Kết quả đạt được trong năm 2019 là sự nỗ lực của việc sử dụng nhiều biện pháp do ban điều hành Công ty đề ra để thúc đẩy tăng trưởng doanh thu, hạn chế tối đa chi phí, tăng năng suất lao động của công nhân trong toàn Công ty.

Thành quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được không thể không kể đến sự đóng góp của đội ngũ người lao động ở từng đơn vị ngày càng chuyên nghiệp trong thực hiện và kiểm soát các đơn hàng phức tạp, chất lượng cao... từ đó đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của khách hàng trên thị trường, đặc biệt là các thị trường xuất khẩu khó tính như Mỹ, Châu Âu.

2 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

■ Danh sách HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc



ÔNG ĐOÀN TỚI - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1954

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

- Từ tháng 10 năm 2006 : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nam Việt.
- Từ năm 2001 đến tháng 09 năm 2006 : Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nam Việt.
- Từ năm 1971 đến năm 2001 : Sĩ quan quân đội (cấp bậc Thượng tá) đến 2001 nghỉ hưu.

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 64.505.000 cổ phần – 50,58% vốn điều lệ

ÔNG NGUYỄN DUY NHỨT - Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1960

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ tháng 12/2007: Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP Nam Việt.
- Từ năm 2004 đến tháng 11/2007: Giám đốc Tài chính Công ty cổ phần Nam Việt.
- Từ năm 2002 đến năm 2004 : Phó Giám đốc Kho bạc Nhà nước An Giang
- Từ năm 1989 đến năm 2002 : Trưởng phòng Tài chính Kho bạc Nhà nước An Giang.
- Từ năm 1983 đến năm 1989 : Cán bộ Sở Tài chính An Giang.

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 519.000 cổ phần – 0,41% vốn điều lệ



ÔNG ĐỖ LẬP NGHIỆP - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ tháng 01/2011 : Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Nam Việt.
- Từ năm 2004 đến tháng 09 năm 2010 : Giám đốc sản xuất Công ty CP Nam Việt.
- Từ năm 2000 đến năm 2004 : Phó Giám đốc Nhà máy đông lạnh Thủy sản Nam Việt

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 469.000 cổ phần – 0,37% vốn điều lệ

ÔNG NGUYỄN VĂN VỸ - Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối nuôi trồng thủy sản

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác: 19 năm tại CTCP Nam Việt

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – 0% vốn điều lệ



ÔNG ĐOÀN CHÍ THANH - Thành viên HĐQT Giám đốc Kinh doanh

Năm sinh: 1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tin học

Quá trình công tác:

- Từ tháng 06 năm 2011 : Giám Đốc khối Kinh doanh.
- Từ năm 2008 đến năm 2011 : Phó Giám Đốc Xuất nhập khẩu

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 17.160.000 cổ phần – 13,45% vốn điều lệ





ÔNG DOÃN CHÍ THIÊN - Thành viên HĐQT kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1989

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Từ năm 2012: Trợ lý Tổng Giám Đốc, Công ty CP Nam Việt

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 17.159.999 cổ phần – 13,45% vốn điều lệ

ÔNG TRẦN MINH CẢNH - Giám đốc tài chính

Năm sinh: 1965

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 2010 đến tháng 06/2017: Giám Đốc Tài Chính, Công ty CP Nam Việt
- Từ năm 2008 đến 2010: Phó Giám Đốc Tài chính, Công ty CP Nam Việt

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần – 0,016% vốn điều lệ



BÀ HUỖNH THỊ KIM THOA - Kế toán trưởng

Năm sinh: 1985

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành kế toán Doanh Nghiệp

Quá trình công tác:

Từ ngày 19/07/2007 công tác tại Tập Đoàn Nam Việt

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần – 0,016% vốn điều lệ.



ÔNG NGUYỄN THANH NGỌC - Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1987

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, chuyên ngành chế tạo máy

Quá trình công tác:

- Từ 2017 đến nay: Trưởng phòng dự án, Công ty TNHH TMDV Navifeed
- Từ 2012 đến 2017: Trợ lý giám đốc, Công ty TNHH Bình Long
- Từ 2010 đến 2012: Nhân viên kỹ thuật, Công ty Schindler Việt Nam

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần – 0,0007% vốn điều lệ.

BÀ NGUYỄN THỊ MINH Ý - Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 2010 đến nay: Kế toán DNTN Thanh Thiên
- Tháng 5/2004: Kế toán CTCP Nam Việt

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần – 0% vốn điều lệ.



BÀ DOÃN HẢI PHƯỢNG - Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1991

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành kinh tế kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ tháng 4/2019 đến nay: Trợ lý giám đốc Công ty TNHH TMDV Navifeed
- Từ tháng 6/2018 đến tháng 12/2018: Chuyên viên tư vấn tài chính doanh nghiệp, Công ty chứng khoán Hồ Chí Minhk
- Từ 2015 đến tháng 5/2018: Chuyên viên phân tích, chuyên viên tư vấn tài chính doanh nghiệp, Công ty chứng khoán Vietcombank
- Từ 2013 đến 2014: Chuyên viên phân tích, Công ty chứng khoán Bản Việt

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 50.100 cổ phần – 0,04% vốn điều lệ.

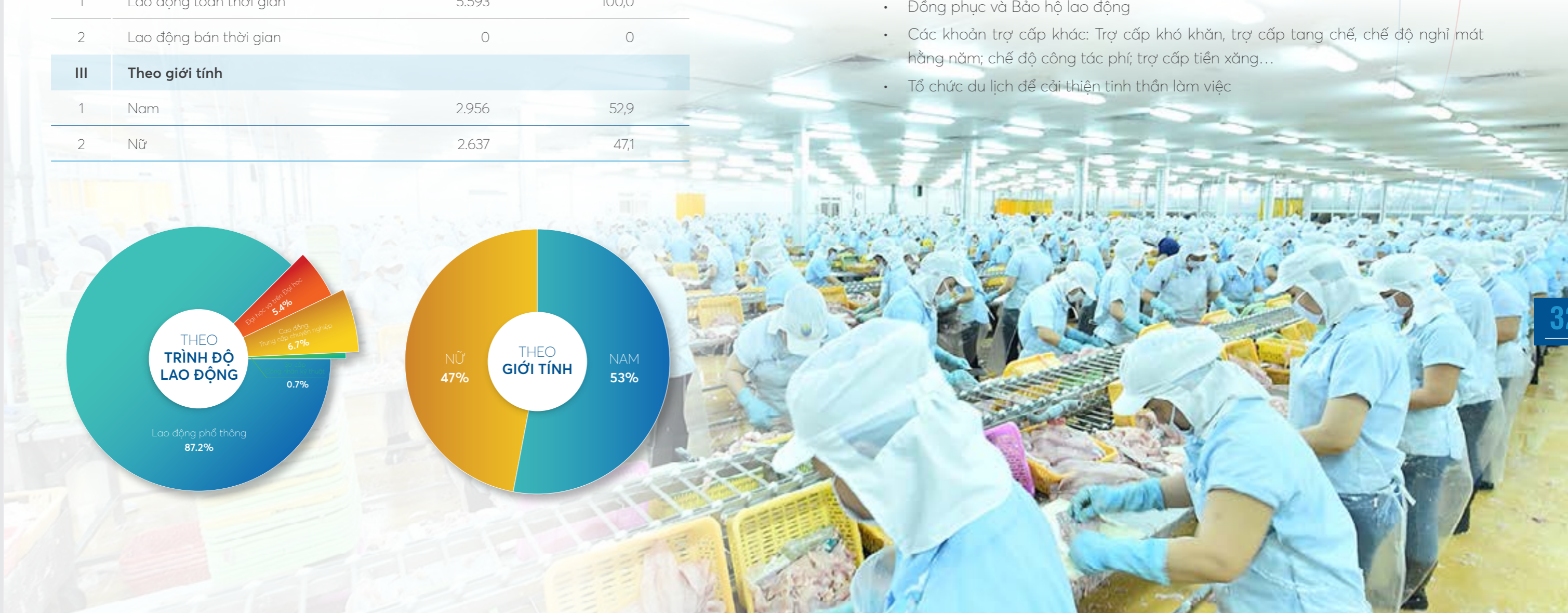
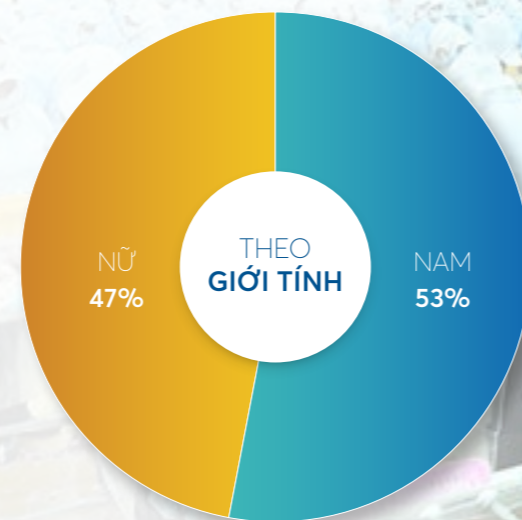
■ Số lượng cán bộ nhân viên

Tính đến 31/12/2019, tổng số lao động của Tổng Công ty là **5.593** người với cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	5.593	
1	Đại học và trên Đại học	291	5,2
2	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	356	6,4
3	Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	35	0,6
4	Lao động phổ thông	4.911	87,8
II	Theo đối tượng lao động		
1	Lao động toàn thời gian	5.593	100,0
2	Lao động bán thời gian	0	0
III	Theo giới tính		
1	Nam	2.956	52,9
2	Nữ	2.637	47,1

■ Một số chính sách đối với người lao động và những thay đổi trong năm 2019

- Công ty áp dụng chính sách tiền lương và khen thưởng cho cán bộ công nhân viên theo đúng quy định pháp luật và quy chế lương thưởng của công ty dựa trên các cơ sở về hiệu quả công việc của từng người, theo mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất và lợi nhuận của công ty.
- Ngoài ra, Công ty còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ và các hoạt động tinh thần khác do Công đoàn, Các tổ chức đoàn thể ở địa phương tổ chức nhân các ngày lễ, các dịp kỷ niệm trong năm như: Quốc tế Phụ nữ, Quốc tế thiếu nhi, Ngày thành lập Công ty, năm mới...
- Các chế độ phúc lợi khác:
 - Thưởng các dịp Lễ, lương tháng 13, thưởng thành tích cuối năm
 - Khám sức khỏe định kỳ,
 - Đồng phục và Bảo hộ lao động
 - Các khoản trợ cấp khác: Trợ cấp khó khăn, trợ cấp tang chế, chế độ nghỉ mát hàng năm; chế độ công tác phí; trợ cấp tiền xăng...
 - Tổ chức du lịch để cải thiện tinh thần làm việc



3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

■ Các khoản đầu tư lớn

Các dự án mới phát sinh trong năm: Trong năm 2019, Công ty tiếp tục đầu tư triển khai dự án Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nuôi trồng thủy sản Bình Phú.

Dự án được xây dựng trong năm 2019 - 2020. Điểm nổi bật của dự án là quy mô lớn, tập trung, ứng dụng công nghệ cao và xuất khẩu 100% - dự án đáp ứng được hết các tiêu chí khắt khe như kích cỡ đồng đều, đúng hạn, đảm bảo yếu tố an toàn, bảo vệ môi trường... Dự án được chia thành 2 khu, bao gồm khu sản xuất giống cá tra 3 cấp chất lượng cao (diện tích nuôi 150 ha, vốn đầu tư 1.000 tỷ đồng) và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nuôi trồng thủy sản, nuôi cá tra thương phẩm (diện tích nuôi 450 ha, vốn đầu tư 3.000 tỷ đồng). Hiện tại, tiến độ của dự án đã hoàn thành được 229 ao cá thịt, 58 ao cá giống và lắp đặt một số máy móc thiết bị phục vụ sản xuất công nghệ cao như hệ thống cho ăn tự động, máy xử lý nước công nghệ nano.

■ Các khoản đầu tư dài hạn

Tính đến 31/12/2019, Công ty vẫn duy trì danh mục đầu tư dài hạn từ các năm trước và không phát sinh giao dịch đầu tư mới:

TÊN CÔNG TY ĐẦU TƯ	31/12/2018 (VNĐ)	31/12/2019 (VNĐ)
Ngân hàng Thương mại CP Hàng Hải (MSB)	135.000.000.000	135.000.000.000
Công ty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	20.304.000.000
Cộng	155.304.000.000	155.304.000.000

■ Các công ty con, công ty liên kết

Các công ty con

CÔNG TY TNHH MTV ẤN ĐỘ DƯƠNG

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019
Doanh thu	Đồng	721.335.072.583	880.598.812.812
LNTT	Đồng	125.778.732.161	148.080.267.482
Tài sản	Đồng	220.735.932.177	283.750.397.271
Vốn điều lệ	Đồng	36.000.000.000	36.000.000.000

CÔNG TY TNHH MTV NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NAM VIỆT BÌNH PHÚ

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019
Doanh thu	Đồng	0	0
LNTT	Đồng	(3.540.909)	(6.605.454.456)
Tài sản	Đồng	397.391.916.380	1.028.694.371.212
Vốn điều lệ	Đồng	540.000.000.000 Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty mới nhận được 397.097.400.000	540.000.000.000

Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ NÔNG TRẠI XANH

Đã giải thể.

4 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018 (tr.đồng)	Năm 2019 (tr.đồng)	Tăng giảm trong năm 2019
Tổng giá trị tài sản	3.425.069	4.134.598	20,7%
Doanh thu thuần	4.117.989	4.480.866	8,8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	689.591	797.609	15,7%
Lợi nhuận khác	558	32.895	5.793,5%
Lợi nhuận trước thuế	690.150	830.504	20,3%
Lợi nhuận sau thuế	604.167	704.044	16,5%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,07	1,33	1,56
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,36	0,72	0,64
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	48,4%	46,0%	42,3%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	93,9%	85,3%	73,3%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay Khoản phải thu	Ngày	4,09	6,62	9,23
Vòng quay Hàng tồn kho	Ngày	2,43	3,55	2,70
Vòng quay Tài sản	Lần	1,03	1,34	1,19
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,88%	14,67%	15,71%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	10,53%	32,69%	29,51%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,98%	17,64%	17,03%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,72%	16,75%	17,80%

Phân tích cụ thể tình hình tài chính cũng như các chỉ tiêu tài chính của Công ty Cổ phần Nam Việt được trình bày chi tiết tại mục Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

5 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

■ Cổ phần

**SỐ LƯỢNG
CỔ PHẦN
127.539.625**
CỔ PHẦN

**SỐ CỔ PHẦN
CHUYỂN NHƯỢNG TỰ DO
127.127.875**
CỔ PHẦN

SỐ CỔ PHIẾU ƯU ĐÃI: KHÔNG CÓ
SỐ CỔ PHẦN BỊ HẠN CHẾ
CHUYỂN NHƯỢNG: 0 CỔ PHẦN

**MỆNH GIÁ
CỔ PHIẾU
10.000**
ĐỒNG

**SỐ CỔ PHIẾU
ĐANG LƯU HÀNH
127.127.875**
CỔ PHẦN

**SỐ CỔ PHIẾU
PHỔ THÔNG
127.539.625**
CỔ PHẦN

■ Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

STT	TỶ LỆ SỞ HỮU	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN
1	Trên 5% sở hữu	119.383.138
2	Dưới 5% sở hữu	8.156.487

Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ/VĐL
Cổ đông trong nước	125.933.294	98,74%
Cá nhân	125.343.063	98,28%
Tổ chức	590.231	0,46%
Cổ đông nước ngoài	1.606.331	1,26%
Cá nhân	284.387	0,22%
Tổ chức	1.321.944	1,04%
Tổng cộng	127.127.875 (CHƯA TÍNH CỔ PHIẾU QUỸ 411.750)	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2019, Công ty không phát hành thêm cổ phiếu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Tính đến 31/12/2019, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là 411.750 cổ phiếu (tương đương 7 tỷ đồng). Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện mua vào 16.900 cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác: Không có.

6 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

■ Báo cáo tiêu thụ năng lượng

Trong năm 2019, Công ty luôn thực hiện các chính sách tiết kiệm nguồn năng lượng như điện, xăng, dầu với mục đích vừa tiết kiệm chi phí cho công và cả tiết kiệm tài nguyên cho quốc gia, bảo vệ môi trường. Với các sáng kiến tiết kiệm năng lượng của công ty như:

- Sử dụng một số thiết bị tiết kiệm năng lượng tại văn phòng, xí nghiệp.
- Sử dụng bóng đèn LED
- Quán triệt, xây dựng cho nhân viên, cán bộ, người lao động thói quen tiết kiệm điện.

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	2019
1	Điện (Kwh)	23.923.000
	Tổng năng lượng tiêu thụ	23.923.000
2	Gas (kg)	16.000
	Tổng năng lượng tiêu thụ	16.000

■ Báo cáo tiêu thụ nước

Với đặc thù hoạt động của công ty, lượng nước công ty sử dụng cho các hoạt động như nuôi trồng cá tra, cá rô; sử dụng trong hoạt động chế biến các sản phẩm chính của công ty; sử dụng trong hoạt động chế biến thức ăn cho cá và sử dụng nước cho sinh hoạt.

Song song với chính sách tiết kiệm năng lượng, Công ty cũng có các hoạt động, chính sách tiết kiệm nguồn nước sử dụng. Nguồn cung cấp nước chủ yếu của công ty là từ nguồn nước giếng. Lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt của Công ty trung bình là 410 m³/ngày.



■ Trách nhiệm với người lao động

Hiện nay, Công ty có tổng cộng 5.593 người lao động với thu nhập bình quân đạt 8.385.000 đồng/người/tháng. Cơ cấu nhân sự của Công ty như sau:

Ngoài những chính sách đãi ngộ, Navico đặc biệt quan tâm đến hoạt động đào tạo huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động. Trong năm qua, Công ty đã nghiêm túc thực hiện theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết về một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. Cụ thể:



Đối tượng tham gia đào tạo	Số giờ đào tạo
Nhóm 1: Người quản lý phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động	Ít nhất 16 giờ
Nhóm 2: Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động	Ít nhất 48 giờ
Nhóm 3: Người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động	
Nhóm 4: Người lao động không thuộc các nhóm 1, 2, 3 và 5, bao gồm cả người học nghề, tập nghề, thử việc để làm việc cho người sử dụng lao động.	Ít nhất 24 giờ
Nhóm 5: Người làm công tác y tế.	Ít nhất 56 giờ
Nhóm 6: An toàn, vệ sinh viên	Ít nhất 4 giờ

■ Trách nhiệm với môi trường

Trong năm công ty không vi phạm luật và các quy định về môi trường.

■ Trách nhiệm với cộng đồng xã hội

Navico hằng năm luôn có các hoạt động để đóng góp cho cộng đồng xã hội. Ngoài các hoạt động đóng góp sức lực trực tiếp cho việc giữ gìn cộng đồng xã hội, Công ty còn hỗ trợ tài chính cho cộng đồng địa phương.

Những năm qua, Công ty đã có những đóng góp tài chính về:

- Công ty đóng góp quỹ Mùa Xuân
- Công ty đóng góp quỹ Công tác xã hội từ thiện
- Đóng góp Quỹ đền ơn đáp nghĩa
- Đóng góp Quỹ học bổng
- Công ty khen thưởng cho con của CB-CNV lao động có thành tích trong học tập



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



1 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2019 được xem là một năm khó khăn của ngành hàng cá tra khi giá trị xuất khẩu sụt giảm khoảng 10%, chỉ đạt 2 tỷ USD. Về giá cá tra nguyên liệu, kể từ tháng 3/2019, việc dư thừa nguồn cung, xuất khẩu chậm lại đã khiến giá cá tra nguyên liệu rớt xuống dưới mức 30.000 đồng/kg. Đến tháng 6/2019 giá sụt mạnh xuống mức dưới 20.000 đồng/kg và dao động 18-20.000 đồng/kg từ đó đến cuối năm.

Tuy nhiên, với mô hình sản xuất khép kín được đầu tư từ nhiều năm qua, Navico đã có thể vượt qua khó khăn và đạt được kết quả vượt trội so với tình hình khó khăn chung của ngành, với kim ngạch xuất khẩu đạt 149,3 triệu USD, tăng 2% so với năm 2018.

Hiện nay, Công ty đảm bảo tự chủ 100% thức ăn cho việc nuôi trồng, 100% cá nguyên liệu cho các nhà máy chế biến, trong đó:

- 👁️ 10 lines nhà máy thức ăn với công suất 1000 tấn thành phẩm/ngày.
- 👁️ 21 vùng nuôi cá với tổng diện tích mặt nước đạt 250ha. Trong năm 2018, công ty đầu tư 540 tỷ vốn thành lập Công ty TNHH MTV NTTS Nam Việt – Bình Phú với diện tích gần 600ha phục vụ cho việc nuôi trồng. Đến thời điểm hiện tại, vùng nuôi đã xây dựng hoàn thành được 229 ao cá thịt, 58 ao cá giống. Sản lượng đã thu hoạch 8,8 tấn.
- 👁️ 3 nhà máy chế biến với tổng công suất thiết kế 600 tấn cá nguyên liệu/ngày, gồm:
 - Nhà máy Ấn Độ Dương: 400 tấn cá nguyên liệu/ngày
 - Nhà máy Nam Việt: 120 tấn cá nguyên liệu/ngày
 - Nhà máy Thái Bình Dương: 80 tấn cá nguyên liệu/ngày

10 LINES NHÀ MÁY THỨC ĂN
 Công suất 1000 tấn thành phẩm/ngày

600 ha
 Vùng nuôi cá tra công nghệ cao

3 NHÀ MÁY CHẾ BIẾN
 Tổng công suất thiết kế 600 tấn cá nguyên liệu/ngày

■ Kết quả SXKD trong năm 2019

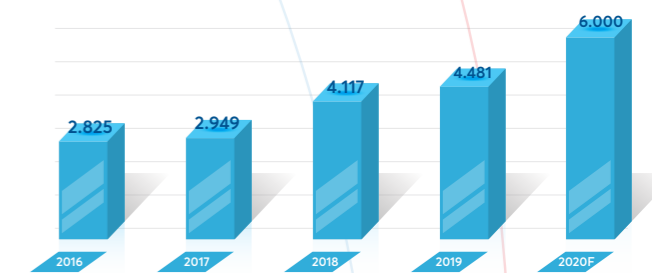
Các chỉ tiêu hợp nhất

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2019	Tăng/giảm trong năm
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.118	4.481	8,8%
Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	690	831	20,4%
Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	604	704	16,5%
EPS	Đồng/CP	4.811	5.541	15,2%
Cổ tức chi trả/vốn điều lệ	%	15%	20%	66,7%
Số lượng lao động	Người	4.634	5.593	20,7%
Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/người/tháng	8,0	8,4	5%

Về Doanh thu

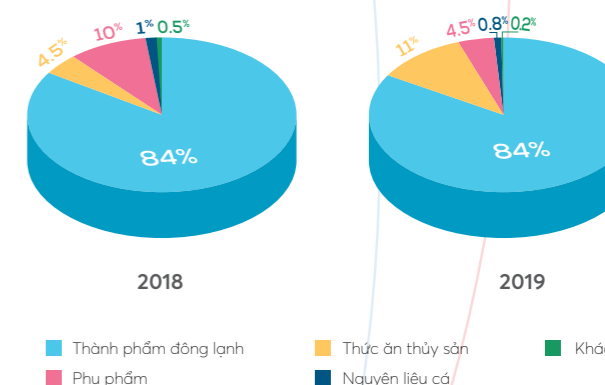
Doanh thu thuần của toàn công ty trong năm 2019 đạt 4.481 tỷ đồng, cao hơn 8,8% so với cùng kỳ năm trước và vẫn trong xu hướng tăng từ năm 2015. Tăng trưởng doanh thu trong năm 2019 khả quan do doanh thu từ các thị trường chính mà Navico xuất sang đều tăng, điển hình là Trung Quốc, Đông Nam Á và Liên minh Châu Âu, cùng với tự chủ nguồn nguyên liệu cá để chế biến xuất khẩu, công ty kiểm soát được nguyên liệu và chi phí đầu vào từ đó sản phẩm của Navico có giá thành cạnh tranh nhất trên thị trường.

Tăng trưởng doanh thu qua các năm (ĐVT: tỷ đồng)



Về cơ cấu doanh thu

Doanh thu bán thành phẩm đông lạnh vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu của Navico chiếm 84%, dường như không thay đổi so với năm trước. Doanh thu mảng thức ăn, phụ phẩm có tăng trưởng tương đối so với năm trước.



Về lợi nhuận gộp

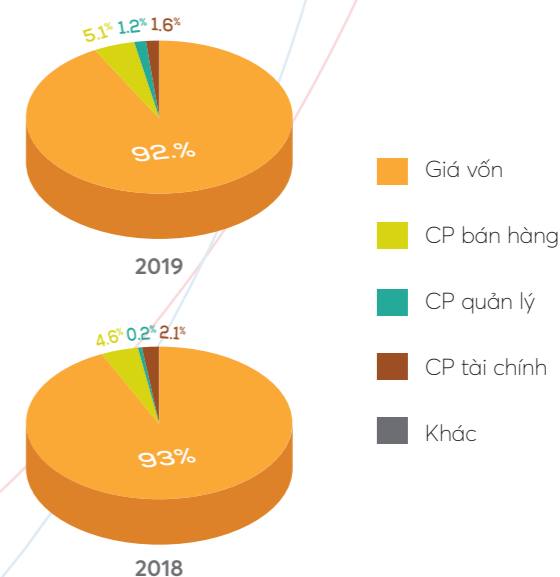
Năm 2019 Nam Việt ghi nhận lợi nhuận gộp đạt 1.043 tỷ đồng, cao hơn 20,9% so với năm 2018. Đồng thời biên lợi nhuận của Công ty cũng được cải thiện nhờ ổn định được giá vốn hàng bán.

Về cơ cấu chi phí hoạt động

Giá vốn hàng bán vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí của Navico. Chi phí giá vốn hàng bán trong năm 2019 chiếm 92% tổng chi phí, giảm nhẹ 1% trong cơ cấu chi phí so với năm 2018.

Tỷ trọng chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng nhưng chi phí tài chính giảm so với năm 2018.

Công ty có chính sách quản lý chi phí hoạt động chặt chẽ hơn và cắt giảm được phần nào những chi phí hoạt động không tốt.



Cơ cấu chi phí hoạt động của Navico



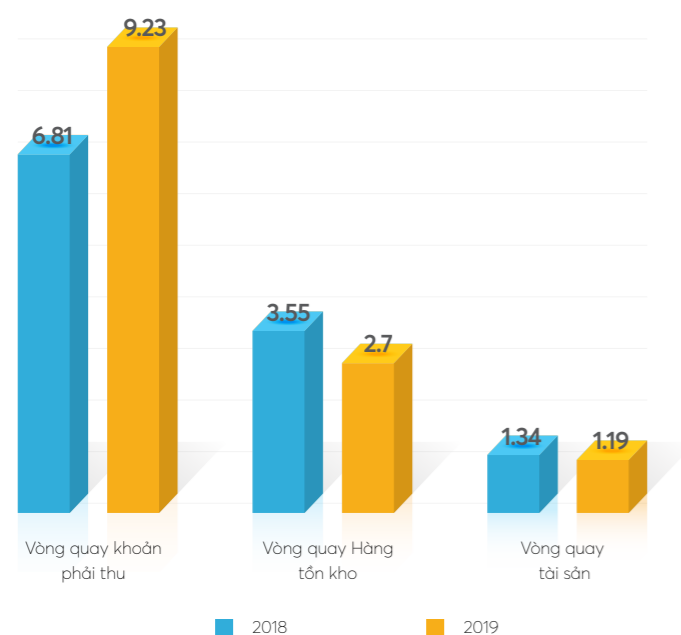
2 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Tính đến 31/12/2019, giá trị tổng tài sản đạt 4.135 tỷ đồng, cao hơn hơn 20,7% so với năm 2018. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 65,07%, tăng 4,05% trong cơ cấu tài sản so với năm 2018.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, hàng tồn kho của Công ty chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 58,8%, tiếp đến là đầu tư tài chính ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn lần lượt chiếm 21,7%, 16,5%.

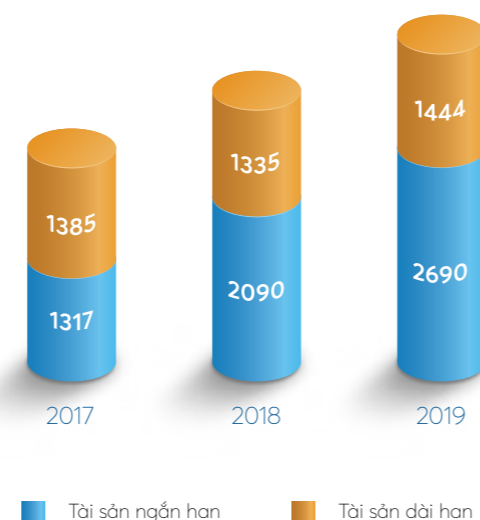
Đối với tài sản dài hạn, tài sản dở dang dài hạn là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 46,5% đến từ dự án khu nuôi trồng thủy sản Bình Phú. Ngoài ra, các khoản tài sản cố định và mục đầu tư tài chính dài hạn cũng chiếm phần lớn trong cơ cấu tài sản dài hạn, tương ứng 38,3% và 10,0%.



Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 31/12/2019, Tổng nợ phải trả của Công ty là 1.728 tỷ đồng, chiếm 42% cơ cấu tài sản của Navico (Nếu như loại bỏ phần nợ vay tương ứng với phần đầu tư tài chính của công ty là 585 tỷ đồng, thì nợ chỉ chiếm 28%). So với năm 2018, cơ cấu nợ/tổng tài sản của công ty giảm gần 4%.

Cơ cấu tài sản (tỷ đồng)



Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Navico trong năm 2019 có thay đổi so với năm 2018, trong đó:

- Vòng quay tổng tài sản giảm từ 1,34 xuống 1,19 vòng.
- Vòng quay khoản phải thu tăng từ 6,81 lên 9,23 vòng.
- Vòng quay hàng tồn kho của Nam Việt trong năm 2019 đạt 2,7 vòng; giảm 0,85 vòng so với năm 2018.

Nhìn chung, cơ cấu nợ này ở mức tốt so với các doanh nghiệp trong cùng ngành.

Trong đó, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu là 99,84% trong tổng nợ, ở mức 1.728 tỷ đồng, tăng 161 tỷ đồng so với năm 2018. Nợ dài hạn là 20,3 tỷ đồng, tăng 10,8 tỷ đồng so với năm 2018. Nợ của Công ty chủ yếu được vay bằng VND.

Bên cạnh đó, chi phí lãi ngân hàng tiếp tục được duy trì ở mức 48,8 tỷ đồng, tăng 2,9 tỷ đồng so với năm 2018.

Trên thực tế, Công ty luôn coi trọng công tác quản trị rủi ro nói chung và đặc biệt là rủi ro thanh khoản nói riêng. Ban điều hành luôn giám sát hoạt động quản lý rủi ro thông qua việc thường xuyên theo dõi yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động dòng tiền của Công ty.

Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

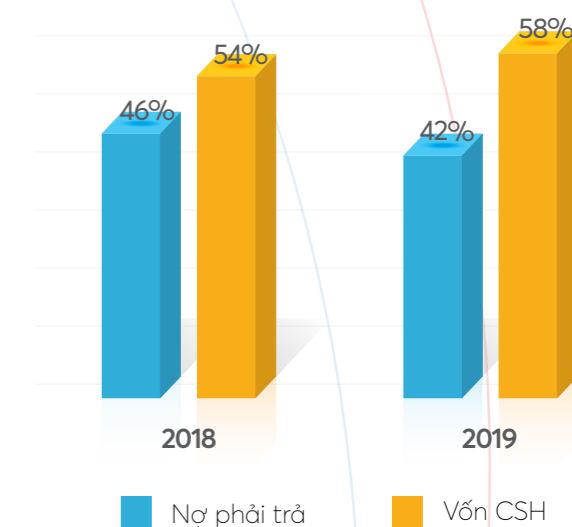
Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng USD.

Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2018	2019
Vay ngắn hạn	Tỷ đồng	1.251,1	1.295,0
Vay dài hạn	Tỷ đồng	9,5	20,3
Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	45,9	48,8
Chi phí lãi vay/ Doanh thu thuần	%	1,1%	1,1%

Năm 2019, lãi vay công ty phải trả là 48,8 tỷ đồng, tăng so với năm 2018 do công ty tăng nợ vay. Tỷ lệ chi phí lãi vay trên doanh thu thuần vẫn ổn định ở mức 1,1%. Đây là mức thấp và thể hiện công ty không chịu nhiều rủi ro về biến động lãi suất.

Cơ cấu nguồn vốn



4 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

■ Triển vọng thị trường xuất khẩu cá tra năm 2020

Năm 2019, xuất khẩu cá tra có sự chững lại, kim ngạch giảm 10% chỉ còn 2 tỷ USD. Sự sụt giảm đối với cá tra đến từ nhiều yếu tố. Đầu tiên là nhu cầu sụt giảm ở thị trường Mỹ (thị trường tiêu thụ cá tra lớn nhất của Việt Nam trong năm 2018). Trong năm 2019, kim ngạch xuất khẩu cá tra sang thị trường này đã giảm 55% so với năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu là do đợt tăng giá mạnh của cá tra nguyên liệu vào cuối năm 2018 đã thúc đẩy việc tăng dự trữ hàng của các đơn vị nhập khẩu cá tra tại Mỹ dẫn đến dư thừa nguồn cung tại thị trường này. Ngoài ra, năm 2019, nguồn cung dồi dào của cá giống đã giúp tăng nguồn cung cá tra nguyên liệu và dẫn đến đợt giảm giá kéo dài từ mức 36.000 đồng/kg ở thời điểm đầu năm 2018 về xuống dưới 20.000 đồng/kg vào cuối năm 2019. Đáng chú ý là Trung Quốc đã có bước tăng trưởng vượt bậc trong việc nhập khẩu cá tra từ Việt Nam để đưa vào các nhà hàng lẩu và trở thành thị trường số 1 của cá tra Việt Nam (chiếm 30,5% thị phần). Ngoài ra, thị trường Đông Nam Á với mức tăng trưởng 27% kim

ngạch nhập khẩu cá tra đã trở thành thị trường số 2 của cá tra Việt Nam (chiếm 20% thị phần).

Từ đầu năm 2020 đến nay xuất khẩu cá tra đối mặt với thách thức mới khi dịch Covid-19 bùng phát ở nhiều nước trên thế giới. Dịch diễn biến phức tạp ở nhiều nước châu Âu, châu Á... đã làm tăng thêm cái khó cho đầu ra cá tra trong thời gian tới. Xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc giảm một nửa so với cùng kì và sẽ giảm mạnh cho đến khi dịch bệnh được khống chế. Chỉ riêng thị trường Trung Quốc đã chiếm đến trên 33% thị phần của ngành cá tra sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro. Sự sụt giảm quá nhanh khiến xuất khẩu phụ thuộc vào thị trường này gặp rất nhiều khó khăn. Song, cũng là động lực thúc đẩy mở rộng, tìm kiếm thị trường mới.

Tổng cục Thủy sản đặt mục tiêu xuất khẩu cá tra trong năm 2020 sẽ đạt kim ngạch xuất khẩu 2,2 tỷ USD nhưng nếu các doanh nghiệp không nhanh chóng có giải pháp hợp lý, hiệu quả để giải quyết khó khăn trong giai đoạn này thì mục tiêu khó có thể đạt được.

■ Mục tiêu – Chiến lược SXKD của NAVICO năm 2020

Trước tình hình khó khăn chung của ngành, Ban lãnh đạo Navico đã đặt ra mục tiêu, chiến lược:

Kế hoạch mở rộng hoạt động và đầu tư của NAVICO năm 2020 và trong tương lai

Tích cực đi vào chất lượng của chuỗi sản xuất theo hướng nâng cao chất lượng, giảm chi phí, đảm bảo được môi trường. Thúc đẩy dự án vùng nuôi sớm đi vào hoạt động nhằm hoàn thành chuỗi giá trị khép kín và nâng sản lượng xuất khẩu.

Tìm kiếm thêm các khách hàng mới kết hợp với duy trì khách hàng hiện hữu để cải thiện thị phần cũng như thúc đẩy tăng trưởng của công ty.

Mục tiêu dài hạn

Cố gắng duy trì năng lực sản xuất để giữ việc làm cho người lao động và cải thiện kỹ thuật nuôi trồng, chế biến thủy sản để có sản phẩm đạt tiêu chuẩn tốt, ổn định, giá cả hợp lý.

■ Chỉ tiêu kế hoạch của NAVICO trong năm 2020

3.000
tỷ đồng
TỔNG DOANH THU

200
tỷ đồng
TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ

10%
CỔ TỨC

3 NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

■ Cơ cấu tổ chức

Tháng 08/2019: CTCP Rau quả nông trại xanh đã thông báo giải thể và không còn là công ty liên kế của CTCP Nam Việt.

■ Cải thiện năng suất lao động

Trong năm qua, Navico đã thực hiện định biên các bộ phận gián tiếp và áp dụng công nghệ vào các công tác nghiệp vụ và quản lý từ đó giảm chi phí tiền lương.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ, NGÀNH SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU THỦY SẢN NĂM 2019

■ Tình hình thế giới năm 2019 tăng trưởng chậm

Năm 2019, kinh tế toàn cầu tiếp tục có nhiều biến động. Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung bùng phát ngay trong nửa đầu năm 2018 làm đảo lộn cục diện kinh tế toàn cầu. Chiến tranh thương mại kéo dài đã ảnh hưởng tiêu cực đến đà đi lên của kinh tế thế giới. Theo các tổ chức kinh tế, dự đoán về tốc độ tăng trưởng kinh tế của khối các nước trong G20 (chiếm 80% GDP toàn cầu) sẽ tiếp tục suy yếu do suy giảm giao dịch thương mại toàn cầu.

Về phía Mỹ, các doanh nghiệp khó tìm được nhà cung cấp ở quốc gia khác để thay thế dây chuyền sản xuất từ Trung Quốc dẫn đến sự mất cân bằng cung cầu trên thế giới.

Hiệu ứng chuyển hướng thương mại đã mang lại lợi ích cho các nước ở khu vực Liên minh châu Âu, Việt Nam, Đài Loan, Mexico.

Về phía Trung Quốc, lĩnh vực máy móc văn phòng và thiết bị truyền thông bị ảnh hưởng nặng nề nhất với mức nhập khẩu của Hoa Kỳ giảm 15 tỷ USD trong nửa đầu năm 2019. Tuy nhiên ở các lĩnh vực khác lại ít bị ảnh hưởng hơn do các công ty ở các nước khác không đủ khả năng đáp ứng nhu cầu sản xuất.



■ Kinh tế trong nước tiếp tục tăng trưởng mạnh trước các khó khăn

Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng kinh tế 7,02% trong năm 2019, trong đó kim ngạch xuất khẩu của nước ta tăng trưởng đáng kể khi đạt mức 263,5 tỷ USD (+8,1% YoY) với các mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao như: Điện thoại và linh kiện, điện tử, máy tính và linh kiện, hàng dệt may, hàng giày dép,

Kim ngạch xuất khẩu ngành thủy sản đạt 8,54 tỷ USD, giảm 2,9% so với năm trước. Thủy sản của Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Mỹ, đạt 1,47 tỷ USD chiếm 17,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước, giảm 9,5% so với năm 2018. Trong đó, ngành cá tra giảm 10% so với năm trước, kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 2 tỷ USD năm 2019.

■ Qua 1 năm thực hiện nhiệm vụ, hoạt động công ty có những điểm nổi bật như sau:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019



Kết quả hoạt động SXKD Hợp nhất năm 2019 của Navico như sau:

Chỉ tiêu kế hoạch	Kế hoạch 2019 (Tỷ đồng)	Thực hiện 2019 (Tỷ đồng)	Thực hiện/Kế hoạch (%)
Doanh thu thuần	5.000	4.481	89,6%
Tổng lợi nhuận sau thuế	700	704	100,6%

Kết quả thực hiện năm 2019 cho thấy dù công ty chỉ đạt được 89,6% kế hoạch doanh thu thuần nhưng lợi nhuận sau thuế vẫn vượt 0,6% so với kế hoạch đã đề ra. Trong năm 2019, việc duy trì được kết quả lợi nhuận tốt do những thành quả tích cực như:

■ Những thuận lợi điển hình cho Navico

Đồng USD đang lên giá, kích thích việc xuất khẩu hàng hóa, cũng như gia tăng lợi nhuận từ các hợp đồng thanh toán bằng USD của doanh nghiệp.

Nhu cầu nhập khẩu cá tra của Trung Quốc vẫn là rất lớn do giá cả của Việt Nam khá phù hợp. Navico đã tìm được đối tác nhập khẩu vào thị trường này từ đó ổn định được đầu ra cho sản phẩm. Phần lớn khách hàng Trung Quốc nhập khẩu cá tra để chế biến các món ăn nhanh trong nhà hàng, khách sạn, bếp ăn tập thể, kể cả suất ăn phục vụ các chuyến bay.

- Công ty đầu tư theo chiều sâu của chuỗi giá trị: ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, cùng với việc phát triển của các thị trường. Từ đó, biên lợi nhuận của công ty được tăng cao. Ngoài ra, công ty tiếp tục triển khai nuôi cá nguyên liệu để đáp ứng được yêu cầu cá nguyên liệu cho nhà máy từ cung ứng sản lượng, an toàn, ổn định chất lượng và chi phí cạnh tranh được với giá cả thị trường.
- Các đơn hàng xuất khẩu thực hiện khá tốt và đem lại lợi nhuận cao cho công ty bằng sự phối hợp tốt giữa các bộ phận từ khâu đầu triển khai đơn hàng đến khâu cuối trong quá trình thực hiện các đơn hàng.
- Tiếp tục duy trì và cải tiến các cuộc họp phân tích, thảo luận chuyên sâu về những tồn tại và có giải pháp khắc phục nhanh, thỏa mãn tốt các yêu cầu khách hàng.
- Đội ngũ quản lý và công nhân viên tại các đơn vị ngày càng chủ động hơn trong nhiệm vụ được giao, luôn cải tiến đổi mới trong công việc..., góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt nhất các chỉ tiêu được giao.

Song song đầu tư cho hoạt động sản xuất hiện tại, công ty vẫn đang tiếp tục thoái vốn tại các dự án đầu tư vào công ty liên kết hoạt động không hiệu quả.

Công tác quản lý chất lượng sản phẩm

Năm qua, Navico đã triển khai và tổ chức tốt hệ thống đảm bảo chất lượng tại hai nhà máy chủ lực là nhà máy Nam Việt và nhà máy Ấn Độ Dương cũng như đưa vào hoạt động thêm nhà máy Thái Bình Dương, thực hiện và đảm bảo ổn định chất lượng cho các đơn hàng xuất khẩu, đáp ứng tốt chất lượng hàng xuất xưởng.

Các công tác khác

Công tác kiểm soát chi phí và tiết kiệm chi phí luôn được các đơn vị nghiệp vụ kế toán, mua hàng, sản xuất ... quan tâm và theo sát tình hình chi phí trong hoạt động thông qua phân tích ngay những nguyên nhân làm chi phí tăng cao và giải pháp khắc phục tương ứng; kiểm soát tốt công việc giao nhận, xuất nhập hàng hóa ..., góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn trong sản xuất kinh doanh.

Trong quản lý, công ty luôn phát triển, khai thác và ứng dụng phần mềm ERP/công cụ quản lý sản xuất kinh doanh công ty, phân tích hiệu quả hoạt động và có các giải pháp phù hợp nâng cao hiệu.

Thực hiện đầy đủ các chế độ kế toán, chính sách do Nhà nước ban hành, tuân thủ các yêu cầu về chuẩn mực kế toán do nhà nước quy định, lưu trữ, sắp xếp tốt các chứng từ, hồ sơ kế toán đáp ứng nhanh các yêu cầu kiểm tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước.

Trách nhiệm với môi trường, xã hội, cộng đồng: Công ty đã kiểm soát và tuân thủ việc bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất theo quy định Cơ quan Nhà nước, luôn quan tâm tới thực hiện các hoạt động xã hội, cộng đồng tại địa phương.

2 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

■ Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc

- Chỉ đạo, giám sát, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.
- Theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

■ Đánh giá về Ban Tổng Giám đốc công ty

Nhờ việc chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Việt, nên công tác quản trị và điều hành Công ty có sự thống nhất trong mục tiêu tối đa hóa giá trị cho cổ đông. Trong chỉ đạo, điều hành Ban Tổng giám đốc luôn lấy hiệu quả kinh tế & lợi nhuận làm mục tiêu hành động, luôn sâu sát với công việc, có trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ được giao, đem lại hiệu quả cao nhất cho công ty.

Đội ngũ lãnh đạo có tư duy tổng hợp, phân tích tìm ra những nguyên nhân yếu kém và các giải pháp cải tiến, khắc phục kịp thời những hạn chế trong điều hành, ngăn chặn thất thoát thiệt hại cho công ty.

Gương mẫu chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định trong điều lệ Công ty, thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định pháp luật

Trong công tác điều hành, Ban Tổng giám đốc có tư duy sáng tạo, triển khai chương trình đánh giá cụ thể, chính xác năng lực từng cá nhân, tập thể, có phương án để nâng cao hiệu quả lao động, phối hợp giữa các phòng ban của Công ty.

■ Kết quả đạt được

Mặc dù trong năm 2019 công ty đã gặp phải rất nhiều khó khăn về cạnh tranh và thị trường, Ban giám đốc đã lãnh đạo công ty thực hiện rất tốt nhiệm vụ kinh doanh, Công ty có lợi nhuận đạt chỉ tiêu đề ra.

■ Các mặt tồn tại cần Ban Tổng giám đốc tập trung cải tiến trong thời gian tới

Tích cực tìm kiếm thêm các đối tác, khách hàng mới để mở rộng thị trường.

Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra để đáp ứng các quy chuẩn của từng quốc gia mà Công ty xuất khẩu sang.

Điều hành và kiểm soát tốt chi phí để công ty vượt qua giai đoạn khó khăn.

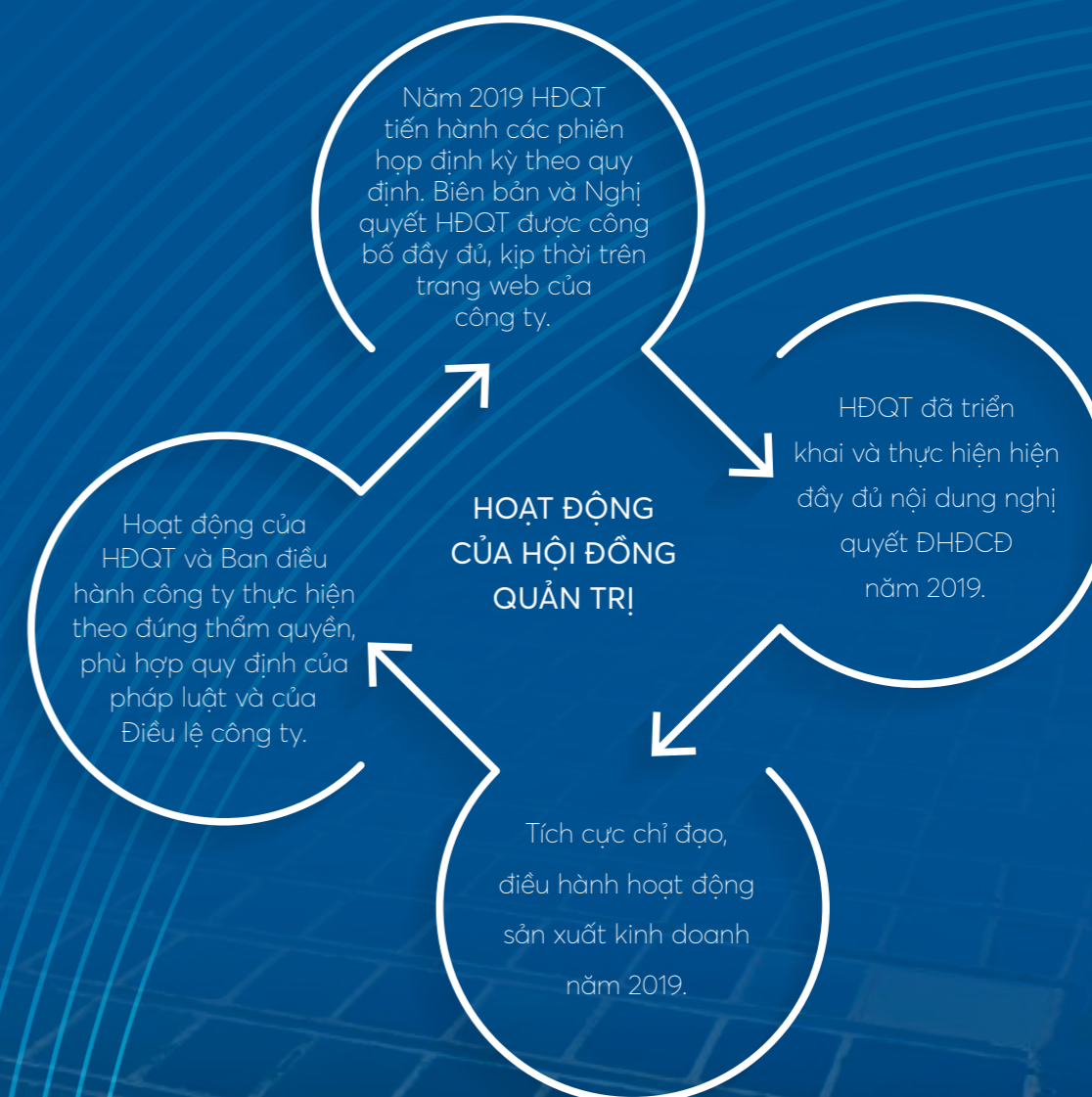




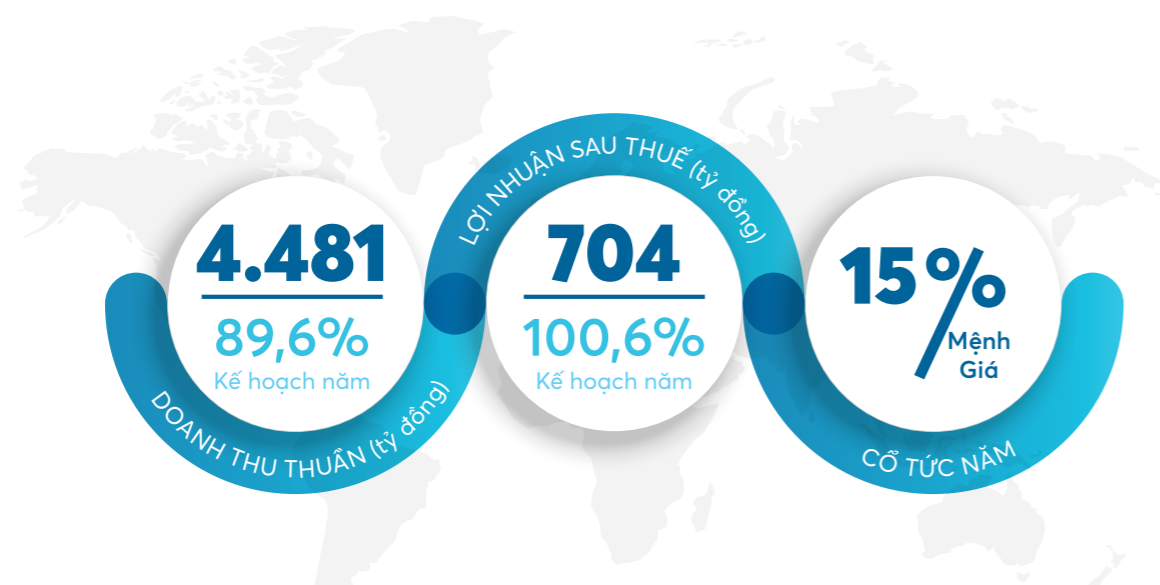
QUẢN TRỊ CÔNG TY

1 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

■ Hoạt động của Hội đồng quản trị



■ Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2019



Doanh thu thuần năm 2019 là 4.481 tỷ đồng, đạt 89,6% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế 704 tỷ đồng, đạt 100,6% kế hoạch năm.

Trong năm 2019 công ty đã chia cổ tức năm 2018 cho các cổ đông theo tỷ lệ 15%/mệnh giá.

Ngày 25/02/2019, công ty đã hoàn thành đăng ký niêm yết bổ sung 2.495.000 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động. Số cổ phiếu này được phép giao dịch kể từ ngày 01/07/2019.

Tiền thù lao của HĐQT và Ban Kiểm Soát năm 2019 được thực hiện như sau:

Bộ phận	Kế hoạch 2019	Thực chi 2019
Hội Đồng Quản Trị	2 tỷ	2 tỷ
Ban kiểm soát	100 triệu	100 triệu

HĐQT đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

HĐQT và Ban điều hành công ty đã triển khai và thực hiện đầy đủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019.

2 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

■ Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty:

- Tham dự các cuộc họp điều hành của HĐQT và Ban điều hành công ty.
- Giám sát việc triển khai kế hoạch và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019.
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh nhằm đảm bảo công ty hoạt động theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.
- Kiểm soát chế độ, chính sách liên quan đến công tác lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty.
- Giám sát trình tự thủ tục ban hành văn bản pháp lý của HĐQT, Ban TGD và việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- Giám sát việc xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết trong đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong ty và theo dõi triển khai phương án mua lại cổ phiếu của nhân viên tham gia chương trình Esop 2018-2019 làm cổ phiếu quỹ.

■ Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành Công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc

Năm 2019 HĐQT tiến hành các phiên họp định kỳ theo quy định. Nghị quyết HĐQT được công bố đầy đủ, kịp thời trên trang web của công ty.

Tích cực chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019.

Triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019.

Giám sát hoàn tất phương án mua lại cổ phiếu chưa phân phối hết của nhân viên tham gia chương trình Esop làm cổ phiếu quỹ và Công ty đã có báo cáo kết quả giao dịch mua lại cổ phiếu với UBCK ngày 22/07/2019.

Hoạt động của HĐQT và Ban điều hành công ty thực hiện đúng thẩm quyền, phù hợp quy định của pháp luật và của Điều lệ công ty.

Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2017

Doanh thu thuần năm 2019 là 4.481 tỷ đồng, đạt 90% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế 704 tỷ đồng, vượt 0.6% kế hoạch năm.

Trong năm 2019 công ty đã chia cổ tức năm 2018 cho các cổ đông theo tỷ lệ 15%/mệnh giá, tương đương số tiền 190.504.849.500đ

Tiền thù lao của HĐQT và Ban Kiểm Soát năm 2019 được thực hiện như sau:

Bộ phận	Kế hoạch 2019	Thực chi 2019
Hội Đồng Quản Trị	2 tỷ	2 tỷ
Ban kiểm soát	100 triệu	100 triệu

HĐQT đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.

HĐQT và Ban điều hành công ty đã triển khai và thực hiện đầy đủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019.



Thẩm định báo cáo tài chính năm 2019

Nhận xét chung

Trên cơ sở xem xét việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ý kiến của kiểm toán viên về báo cáo tài chính hợp nhất của công ty.

Chúng tôi thống nhất với ý kiến của kiểm toán viên về báo cáo tài chính của công ty Cổ Phần Nam Việt phản ánh trung thực, hợp lý, phù hợp với chế độ và các quy định pháp luật hiện hành.

Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất 2019.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019

Chỉ tiêu	Năm 2018 (tỷ đồng)	Năm 2019 (tỷ đồng)	Tỷ lệ%
1. Doanh thu thuần	4.118	4.481	108,8
2. Lợi nhuận sau thuế TNDN	604	704	116,5

Một số chỉ tiêu phân tích cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019
1. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,56
2. Vòng quay hàng tồn kho	vòng	2,7
3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	29,51
4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng	5.541

- Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn 1,56 lần, tăng 0,23 lần so với cùng kỳ năm 2018, phản ánh tình hình tài chính công ty đảm bảo đủ khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.
- Hệ số vòng quay hàng tồn kho 2,7 vòng, giảm 0,9 vòng so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là do chi phí đầu tư nuôi cá tăng 57%, thành phẩm tồn kho cuối năm tăng 53%.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 29,51%, cho thấy công ty kinh doanh có hiệu quả.
- Lãi suất cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 là 5.541 đồng, tăng 730 đồng so với cùng kỳ năm 2018



Doanh thu thuần năm 2019 đạt 108,8% so với năm 2018. Lợi nhuận sau thuế đạt 116,5% so với cùng kỳ năm trước.

■ Phối hợp hoạt động giữa ban kiểm soát với HĐQT và Ban điều hành công ty

Tham gia đóng góp ý kiến về xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ tại các phòng ban, đề xuất giải pháp cải thiện quy trình nhằm ngày càng hoàn thiện quy trình quy định, góp phần nâng cao năng lực quản trị và hạn chế rủi ro trong các hoạt động của công ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Ban Kiểm Soát kính trình ĐHĐCĐ 2020.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
Doãn Tới	Chủ tịch HĐQT- Tổng Giám đốc	61.905.000	49,51	64.505.000	50,58	Mua

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối liên hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Giao dịch
1	Doãn Tới	Chủ tịch HĐQT	Trong năm 2019	Cho công ty vay
2	Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	Công ty con	Trong năm 2019	Gia công cho công ty Mua bán thành phẩm, hàng hóa vật tư với công ty
3	Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư	Trong năm 2019	Cho công ty thuê kho lạnh, cầu cảng
4	Công ty TNHH TMDV Navifeed	Công ty cùng chủ đầu tư	Trong năm 2019	Mua bán thức ăn thủy sản
5	Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Nam Việt Bình Phú	Công ty con	Trong năm 2019	Công ty cho vay, mua bán thức ăn thủy sản



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

■ Khái quát về công ty

Công ty Cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 12 tháng 2 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

Điện thoại : (84-296) 3834060

Fax : (84-296) 3834054

Công ty có đơn vị trực thuộc là Nhà máy Chế biến Thức ăn thủy sản – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt, đặt tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm...);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Bán buôn hóa chất;
- Mua bán kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản;
- Sản xuất và bán buôn thuốc thú y, thủy sản;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

■ Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty Cổ phần Nam Việt trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Doãn Tới	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016
Ông Doãn Chí Thanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016
Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019
Ông Doãn Chí Thiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Minh Ý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019
Bà Doãn Hải Phượng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019
Ông Nguyễn Thanh Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Dương Minh Phong	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016
Bà Lê Thị Tuyết Mai	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019
Ông Nguyễn Trọng Hữu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019
Ông Đoàn Hữu Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019
Bà Nguyễn Kim Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2007
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2008
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2011
Ông Nguyễn Văn Vỹ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Doãn Tới - Chủ tịch Hội đồng quản trị (tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ông Doãn Tới đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Duy Nhứt ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Giấy ủy quyền số 73/GUQ-KTTC ngày 02 tháng 01 năm 2020.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.

■ Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác. Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

■ Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Duy Nhứt

Phó Chủ tịch

Ngày 27 tháng 03 năm 2020

2 BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC - CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Phước Hồng Hạnh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2058-2018-008-1

3 BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.690.487.470.190	2.090.119.522.506
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	24.589.646.497	69.153.027.332
1. Tiền	111		24.589.646.497	32.153.027.332
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	37.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		585.058.006.000	451.530.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	585.058.006.000	451.530.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		443.060.325.652	569.193.598.874
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	403.589.853.940	567.364.514.009
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	30.670.040.724	5.148.455.484
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	1.406.174.900	1.474.674.900
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	19.204.295.437	37.260.100.940
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(11.810.039.349)	(42.054.146.459)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.583.402.400.016	962.242.374.932
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1.587.315.676.842	969.279.675.742
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(3.913.276.826)	(7.037.300.810)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		54.377.092.025	38.000.521.368
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	7.196.546.929	7.124.497.387
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		47.180.545.096	30.876.023.981
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.444.110.150.145	1.334.949.106.216
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.664.788.864	4.699.216.376
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	4.000.000	184.400.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1.660.788.864	4.514.816.376
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		552.765.844.207	548.862.194.044
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	269.121.901.467	209.960.804.297
- Nguyên giá	222		1.159.887.986.836	1.079.663.726.573
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(890.766.085.369)	(869.702.922.276)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	32.689.277.641	41.802.062.279
- Nguyên giá	225		52.601.457.221	61.524.816.469
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(19.912.179.580)	(19.722.754.190)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	250.954.665.099	297.099.327.468
- Nguyên giá	228		263.882.027.043	307.057.868.452
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.927.361.944)	(9.958.540.984)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		670.941.792.263	392.882.356.500
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	670.941.792.263	392.882.356.500
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		144.134.482.764	325.561.271.441
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	-	9.695.489
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	155.304.000.000	155.304.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(11.169.517.236)	(8.652.424.048)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	178.900.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		74.603.242.047	62.944.067.855
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	73.478.242.047	62.719.067.855
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	1.125.000.000	225.000.000
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.134.597.620.335	3.425.068.628.722

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.748.537.857.844	1.577.085.927.965
I. Nợ ngắn hạn	310		1.728.264.509.491	1.567.561.565.110
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	199.547.775.490	118.846.359.054
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	11.221.696.289	14.213.183.620
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	125.796.103.646	85.163.238.533
4. Phải trả người lao động	314	V.18	70.765.617.066	62.684.030.700
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	5.036.889.163	20.479.243.178
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		302.775.613	488.244.634
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	20.073.834.393	13.999.006.461
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1.295.031.838.526	1.251.131.279.625
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	487.979.305	556.979.305
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		20.273.348.353	9.524.362.855
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	20.273.348.353	9.524.362.855
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.386.059.762.491	1.847.982.700.757
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.386.059.762.491	1.847.982.700.757
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	1.275.396.250.000	1.250.446.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.275.396.250.000	1.250.446.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	21.489.209.100	21.519.209.100
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.23	(27.587.629.848)	(27.417.629.848)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	1.116.761.933.239	603.434.871.505
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		412.717.559.005	603.434.871.505
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		704.044.374.234	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.134.597.620.335	3.425.068.628.722

BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.519.152.777.149	4.136.199.051.328
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	38.286.310.524	18.209.658.123
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.480.866.466.625	4.117.989.393.205
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3.438.294.141.749	3.255.566.716.712
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.042.572.324.876	862.422.676.493
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	52.427.826.708	73.915.010.635
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	60.121.583.999	75.219.735.247
Trong đó: chi phí lãi vay	23		48.824.417.551	45.918.386.754
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	-	(2.031.580.694)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	190.709.050.070	160.835.971.165
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	46.560.789.498	8.659.023.070
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		797.608.728.017	689.591.376.952
12. Thu nhập khác	31	VI.8	33.906.212.682	1.747.893.475
13. Chi phí khác	32	VI.9	1.010.913.607	1.189.704.973
14. Lợi nhuận khác	40		32.895.299.075	558.188.502
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		830.504.027.092	690.149.565.454
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	127.359.652.858	85.672.411.156
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14	(900.000.000)	309.750.000
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		704.044.374.234	604.167.404.298
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		704.044.374.234	600.000.709.800
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	4.166.694.498
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	5.541	4.811
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	5.541	4.811

An Giang, ngày 16 tháng 3 năm 2020



Nguyễn Trọng Hữu
Người lập biểu



Huỳnh Thị Kim Thoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 16 tháng 3 năm 2020



Nguyễn Trọng Hữu
Người lập biểu



Huỳnh Thị Kim Thoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Đơn vị tính: VND

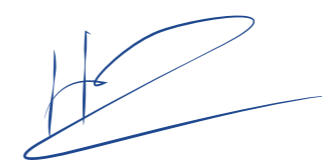
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		830.504.027.092	690.149.565.454
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	81.120.003.868	80.052.320.607
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.7, V.8	5.492.078.106	(50.377.111.317)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	424.724.230	4.516.173.526
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.5, VI.8	(58.249.730.138)	(56.118.081.999)t
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	48.824.417.551	45.918.386.754
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		908.115.520.709	714.141.253.025
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(200.241.575.332)	113.328.819.984
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(618.036.001.100)	(82.150.443.847)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		390.238.347.421	32.223.069.985
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(10.831.223.734)	9.185.089.599
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, VI.5	(53.506.693.493)	(39.861.654.067)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(87.875.447.967)	(25.501.580.859)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(69.000.000)	(334.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		327.793.926.504	721.030.553.820
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11, V.13, VII	(432.070.009.860)	(432.389.805.432)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, V.12, VI.8	78.122.719.457	1.151.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a, V5	(1.251.373.406.000)	(904.815.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a, V5	1.296.994.300.000	610.388.303.207
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	9.613.102.331
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.4	56.239.934.862	31.190.144.774
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(252.086.461.541)	(684.861.436.938)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.23	24.920.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.23	(170.000.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21, V.II	4.303.843.227.771	3.809.930.022.758
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(4.242.526.202.498)	(3.631.850.383.372)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.21	(15.678.625.934)	(21.516.730.468)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, V.23	(190.525.369.500)	(149.438.159.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(120.136.970.161)	7.124.749.318
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(44.429.505.198)	43.293.866.200
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	69.153.027.332	25.901.681.098
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(133.875.637)	(42.519.966)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	24.589.646.497	69.153.027.332

An Giang, ngày 16 tháng 3 năm 2020

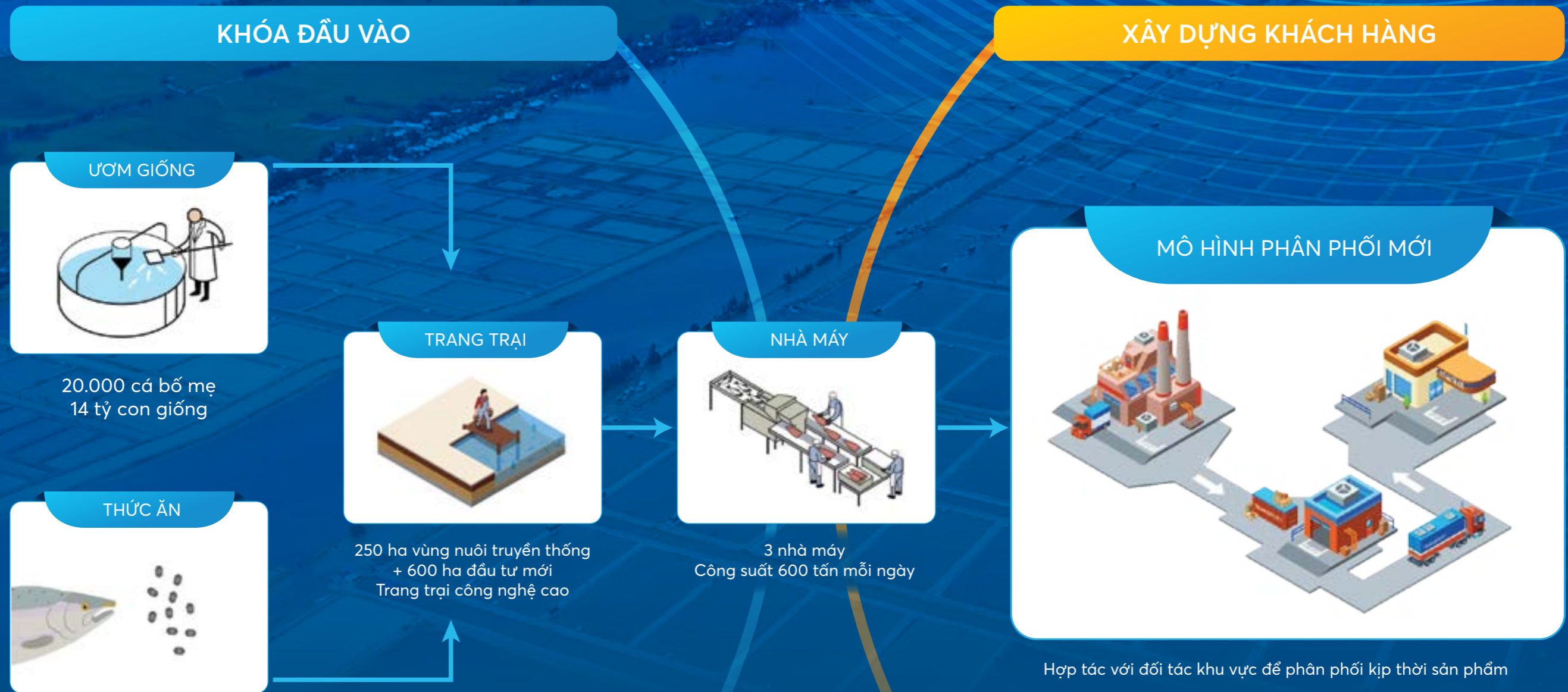

Nguyễn Trọng Hữu
Người lập biểu

Huỳnh Thị Kim Thoa
Kế toán trưởng

Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

ANV - MÔ HÌNH KINH DOANH BỀN VỮNG


Chuỗi giá trị khép kín bền vững từ Trang trại đến Bàn ăn



Navico là một trong rất ít các công ty trong ngành có khả năng khóa đầu vào và đầu ra nhờ vào chuỗi giá trị khép kín
Không bị ảnh hưởng bởi dao động giá nguyên liệu và kiểm soát hàng tồn kho nhờ vào kế hoạch đơn hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý,
TP Long Xuyên, An Giang

 18009094

 www.navicorp.com.vn